ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1613 /QĐ-SYT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám chuyên khoa Phẫu thuật thẩm mỹ do ông Vương Khánh Long chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 01955/SYT-GPHĐ ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Phòng khám chuyên khoa Phẫu thuật thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Phẫu thuật thẩm mỹ Bác sĩ Long do ông Vương Khánh Long chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Phòng khám chuyên khoa Phẫu thuật thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Phẫu thuật thẩm mỹ Bác sĩ Long do ông Vương Khánh Long chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Xét biên bản họp Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế ngày 07 tháng 11 năm 2017 thẩm định danh mục kỹ thuật cho Phòng khám chuyên khoa Phẫu thuật thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Phẫu thuật thẩm mỹ Bác sĩ Long do ông Vương Khánh Long chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt lần đầu Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa Phẫu thuật thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Phẫu thuật thẩm mỹ Bác sĩ Long do ông Vương Khánh Long chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật tại địa chỉ số 518 Lê Hồng Phong, phường 1, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh (gồm 112 kỹ thuật theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Ông Vương Khánh Long chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì cơ sở phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan và ông Vương Khánh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Phòng Y tế Quận 10 (để biết);
- Cổng Thông tin Điện tử SYT (để đăng tin);
- Lưu: VT, NVY.
  NTT, VAK

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Tăng Chí Thượng

DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA PHẪU THUẬT THẨM MỸ THUỘC CÔNG TNHH PHẪU THUẬT THẨM MỸ BÁC SĨ LONG DO ÔNG VƯƠNG KHÁNH LONG CHỊU TRÁCH NHIỆM CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1613 /QĐ-SYT ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh)

TT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU & CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1.	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2.	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên (chỉ áp dụng trong cấp cứu)	x	x	x	x
3.	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
4.	28	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
5.	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)	x	x	x	x
6.	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
7.	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
8.	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
		IX. GÂY MÊ HỒI SỨC				
		B. GÂY TÊ				
9.	3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm (vùng đầu, mặt, cổ)	x	x	x	
10.	3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
		X. NGOẠI KHOA				
		B PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG VÀ SAU BỎNG				
11.	102	Khám di chứng bỏng	x	x	x	
12.	103	Cắt sẹo khâu kín	x	x	x	
		XIV. MẮT				
13.	83	Cắt u da mi không ghép	x	x	x	
14.	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	x	x	x	
15.	167	Cắt bỏ chắp có bọc	x	x	x	
16.	171	Khâu da mi đơn giản	x	x	x	
17.	172	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x	
18.	174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
19.	187	Phẫu thuật quặm	x	x	x	
20.	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	x
21.	205	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	x	x	x	x
22.	208	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	x
23.	209	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	x

TT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
24.	229	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x	x	
25.	233	Phẫu thuật tạo nếp mi	x	x	x	
26.	236	Phẫu thuật tạo hình mi	x	x	x	
		XV. TAI MŨI HỌNG				
		B. MŨI-XOANG				
27.	140	Nhét bấc mũi sau	x	x	x	
28.	141	Nhét bấc mũi trước	x	x	x	
29.	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
		XXII. HUYẾT HỌC, TRUYỀN MÁU				
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
30.	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
		XXVIII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU – MẶT – CỔ				
		1. Vùng xương sọ- da đầu				
31.	1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	x	x	x	x
32.	2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	x	x	x	x
33.	9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
		2. Vùng mi mắt				
34.	33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	x	x	x	x
35.	34	Khâu da mi	x	x	x	
36.	36	Khâu cắt lọc vết thương mi	x	x	x	x
37.	66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	x	x	x	
		3. Vùng mũi				
38.	83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	x	x	x	
39.	84	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời không sử dụng vi phẫu	x	x	x	
		4. Vùng môi				
40.	110	Khâu vết thương vùng môi	x	x	x	
41.	111	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	x	x	x	
42.	134	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	x	x	x	
		5. Vùng tai				
43.	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	x
44.	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	x
45.	138	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	x	x	x	
46.	143	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng vạt tại chỗ	x	x	x	
47.	151	Phẫu thuật tạo hình cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
48.	153	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ luân	x	x	x	
49.	154	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ bình	x	x	x	
50.	155	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dái tai bằng vạt tại chỗ	x	x	x	
51.	157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lồi quá phát vành tai	x	x	x	
52.	158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	x	x	x	

TT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		6. Vùng hàm mặt cổ				
53.	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	x
54.	162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x	x
55.	163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	x
56.	175	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	x	x	x	
57.	195	Phẫu thuật tạo hình thiểu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng chất làm đầy	x	x	x	
58.	197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính	x	x	x	
59.	198	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (dưới 3cm)	x	x	x	
60.	226	Cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt	x	x	x	
		E. THẨM MỸ				
61.	410	Phẫu thuật cấy, ghép lông mày	x	x	x	
62.	411	Phẫu thuật cấy tóc điều trị hói	x	x	x	
63.	414	Phẫu thuật thu gọn môi dày	x	x	x	
64.	418	Phẫu thuật thừa da mi trên	x	x	x	
65.	419	Phẫu thuật cắt da mi dưới cung mày	x	x	x	
66.	420	Phẫu thuật cắt da trán trên cung mày	x	x	x	
67.	421	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
68.	422	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
69.	423	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mi dưới	x	x	x	
70.	424	Phẫu thuật thừa da mi dưới	x	x	x	
71.	425	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt	x	x	x	
72.	426	Phẫu thuật treo cung mày trực tiếp	x	x	x	
73.	427	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ	x	x	x	
74.	428	Phẫu thuật nâng, độn các vật liệu sinh học điều trị má hóp	x	x	x	
75.	429	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo kết hợp sụn tự thân (chỉ sử dụng sụn vành tai)	x	x	x	
76.	430	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo	x	x	x	
77.	431	Phẫu thuật nâng mũi bằng sụn tự thân (chỉ sử dụng sụn vành tai)	x	x	x	
78.	432	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi	x	x	x	
79.	433	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gồ (chỉ thực hiện kỹ thuật mài xương)	x	x	x	
80.	434	Phẫu thuật chỉnh hình mũi lệch (chỉ thực hiện kỹ thuật mài xương)	x	x	x	
81.	435	Phẫu thuật chỉn h sửa các biến chứng sau mổ nâng mũi	x	x	x	
82.	436	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau chích chất làm đầy vùng mũi	x	x	x	
83.	437	Phẫu thuật nâng gò má thẩm mỹ	x	x	x	
84.	438	Phẫu thuật chỉnh cung thái dương gò má (chỉ thực hiện kỹ thuật mài xương)	x	x	x	
85.	439	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm (chỉ thực hiện kỹ thuật mài xương)	x	x	x	
86.	440	Phẫu thuật chỉnh sửa các di chứng do chích chất làm đầy trên toàn thân	x	x	x	
87.	441	Phẫu thuật căng da mặt bán phần	x	x	x	
88.	442	Phẫu thuật căng da mặt toàn phần	x	x	x	

TT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
89.	443	Phẫu thuật căng da mặt cổ	x	x	x	
90.	444	Phẫu thuật căng da cổ	x	x	x	
91.	445	Phẫu thuật căng da trán	x	x	x	
92.	446	Phẫu thuật căng da thái dương giữa mặt	x	x	x	
93.	447	Phẫu thuật căng da trán thái dương	x	x	x	
94.	449	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ căng da mặt	x	x	x	
95.	450	Thủ thuật treo chỉ căng da mặt các loại	x	x	x	
96.	451	Hút mỡ vùng cằm	x	x	x	
97.	452	Hút mỡ vùng dưới hàm	x	x	x	
98.	453	Hút mỡ vùng nếp mũi má, má	x	x	x	
99.	465	Phẫu thuật cấy mỡ nâng mũi (không lấy mỡ thân, chi)	x	x	x	
100.	466	Phẫu thuật cấy mỡ làm đầy vùng mặt (không lấy mỡ thân, chi)	x	x	x	
101.	481	Phẫu thuật độn cằm	x	x	x	
102.	482	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng cấy mỡ (không lấy mỡ thân, chi)	x	x	x	
103.	483	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng tiêm chất làm đầy	x	x	x	
104.	484	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ chỉnh hình cằm	x	x	x	
105.	487	Laser điều trị u da	x	x	x	
106.	488	Laser điều trị nám da	x	x	x	
107.	489	Laser điều trị đồi mồi	x	x	x	
108.	490	Laser điều trị nếp nhăn	x	x	x	
109.	491	Tiêm Botulium điều trị nếp nhăn	x	x	x	
110.	492	Tiêm chất làm đầy xóa nếp nhăn	x	x	x	
111.	493	Tiêm chất làm đầy nâng mũi	x	x	x	
112.	494	Tiêm chất làm đầy y độn mô	x	x	x	